



ISSN:
1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC

KHOA HỌC GIÁO DỤC
Tập 15, Số 10 (2018): 169-178

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE

EDUCATION SCIENCE
Vol. 15, No. 10 (2018): 169-178

MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC LỰA CHỌN VĂN BẢN ĐÁP ỨNG ĐỊNH HƯỚNG TÍCH HỢP TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN

*Nguyễn Phước Bảo Khôi**, *Nguyễn Thành Trung*

Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 22-3-2018; ngày nhận bài sửa: 10-5-2018; ngày duyệt đăng: 25-10-2018

TÓM TẮT

Định hướng dạy học tích hợp khiến việc lựa chọn văn bản càng thêm phức tạp, khó khăn. Trên cơ sở khảo sát các văn bản trong sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành, bài viết này hướng đến việc phân tích, đánh giá khả năng tích hợp, đồng thời đề xuất một số ý kiến để lựa chọn văn bản đáp ứng được yêu cầu tích hợp.

Từ khóa: dạy học tích hợp, Ngữ văn, văn bản.

ABSTRACT

Some requirements for choosing texts meeting the integration demand to Language Arts and Literature teaching

Integrated teaching makes the selection of text more complicated and difficult. As a result of reviewing texts in the current Language Arts and Literature textbook, this article aims to analyze and evaluate the integration ability and propose some ideas for choosing texts that meet the requirements of integration.

Keywords: integrated teaching, Language Arts and Literature, texts.

1. Khái quát về dạy học tích hợp

1.1. Theo *Từ điển tiếng Việt*, “tích hợp là lắp ráp, nối kết các thành phần của một hệ thống theo quan điểm tạo nên một hệ thống toàn bộ” (Hoàng Phê, 2003, tr. 981). Trong tiếng Anh, tích hợp là *integrate*, có gốc từ tiếng Latin là *integrare* (làm thành tổng thể) và *integer* (toàn thể). Ý tưởng dạy học nhằm phát huy khả năng tổng hợp của người học vốn được nhắc gọi nhiều lần trong suốt lịch sử giáo dục với các cấp độ, phạm vi và điểm nhấn khác nhau. J. J. Rousseau, thông qua tiểu thuyết luận đề *Emily hay là về giáo dục*, đã đặt ra yêu cầu cho học sinh (HS) tự trải nghiệm mô hình đời sống đã được giáo viên (GV) giấu mặt sắp đặt. Theo đó, các chuẩn mực không được giảng dạy trực tiếp, HS phải trưởng thành trong điều kiện cho phép phát huy hết năng lực (NL), nguyện vọng nhu cầu tự nhiên để có thể làm người. Alfred North Whitehead (1967, tr. 67) cho rằng: “Chủ đề quan trọng nhất của giáo dục là bản thân cuộc sống với tất cả thể hiện của nó”. Khi suy nghĩ về giáo dục ông nhấn mạnh tính toàn thể và tự nhiên của sinh thể: “HS không thể hiện trước chúng ta như một thể phân lập giữa tư duy và thể xác nhưng họ là những con người tích hợp”

* Email: npbkhoiaval@yahoo.com

(Alfred North Whitehead, 1967, tr. 34). Xavier Roegiers khẳng định: “Sự phạm tích hợp là một quan niệm về quá trình học tập, trong đó toàn bộ quá trình học tập góp phần hình thành ở học sinh những năng lực cụ thể có dự tính trước những điều kiện cần thiết cho học sinh, nhằm phục vụ cho các quá trình học tập sau này hoặc nhằm hòa nhập học sinh vào cuộc sống lao động” (1996, Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhị dịch, tr. 78). Theo đó, *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* đã quan niệm dạy học tích hợp là “định hướng dạy học giúp HS phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống, được thực hiện ngay trong quá trình lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng; phát triển được những NL cần thiết, nhất là NL giải quyết vấn đề” (2017, tr. 5).

1.2. Có những quan niệm khác nhau về vấn đề phân loại các hình thức tích hợp trong dạy học. Xavier Roegiers (1996) cho rằng có 4 hình thức tích hợp, trong khi Susan M Drake (2007) lại phân chia thành 5 hình thức. Đối chiếu hai cách phân loại trên, chúng tôi nhận thấy có thể kết hợp dạng multidisciplinary (dạy nhiều chủ đề, nội dung nhưng không làm rõ mối liên hệ) và pluridisciplinary (làm rõ mối liên hệ nhưng không hình thành bức tranh tích hợp về chủ đề đang học) thành tích hợp liên môn. Trên cơ bản, phân loại các hình thức tích hợp có thể tùy theo tính chất (tích hợp dọc – kết hợp nhiều môn, phân môn cùng lĩnh vực; tích hợp ngang – liên kết các đối tượng thuộc nhiều khoa học khác nhau) hoặc mức độ (thấp – GV liên hệ, lồng ghép kiến thức; trung bình – GV gợi ý giúp HS liên hệ, tìm hiểu; cao – GV đặt ra vấn đề, HS vận dụng những gì đã được học để giải quyết) và phạm vi (rộng – tích hợp trong chương trình, sách giáo khoa với sách tích hợp hoặc môn học tích hợp như môn Khoa học Xã hội, môn Khoa học Tự nhiên; hẹp – trong phạm vi lớp học với tích hợp nội môn và tích hợp liên môn). Dựa trên hai loại tích hợp trong phạm vi lớp học, bài viết triển khai nghiên cứu việc dạy học tích hợp trong môn Ngữ văn từ hai vấn đề: ***tích hợp nội môn*** (kiến thức của ba phân môn Văn học, Tiếng Việt, Làm văn có sự kết nối với nhau) và ***tích hợp liên môn*** (một số đơn vị kiến thức của môn Ngữ văn có sự kết nối với kiến thức của các môn khác).

2. Tích hợp trong chương trình (CT) môn Ngữ văn hiện hành – nhìn từ việc sử dụng văn bản (VB) trong sách giáo khoa (SGK)

2.1. Vấn đề tích hợp nội môn

Quan điểm và kỹ thuật dạy học tích hợp đã được áp dụng để xây dựng CT, biên soạn SGK *Tiếng Việt* cho bậc tiểu học, *Ngữ văn* cho bậc trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) hiện hành. Sự tích hợp nội môn trong môn Ngữ văn xuất phát từ mối quan hệ mật thiết và hệ thống giữa kiến thức và kỹ năng của hai lĩnh vực văn học và ngôn ngữ. Nó giúp cho quá trình hình thành và phát triển NL giao tiếp và NL thẩm mỹ của HS diễn ra thuận lợi và hiệu quả hơn.

Vấn đề tích hợp nội môn được biểu hiện đầu tiên ở việc hiện nay các lĩnh vực kiến thức và kỹ năng có liên quan được tích hợp vào trong một cuốn SGK *Ngữ văn*. Đồng thời

khi gắn với định hướng tích hợp nội môn, theo đó, tri thức trong các VB có thể được sử dụng như những ngữ liệu để dạy học Tiếng Việt, Làm văn. Trong SGK *Ngữ văn 6* hiện hành, các VB dạy học đọc hiểu thường trở thành ngữ liệu để dạy làm văn tự sự và miêu tả. Có thể xem minh họa với trường hợp văn tự sự ở Bảng 1.

Bảng 1. Tần suất văn bản ngữ liệu ở những bài học về làm văn tự sự trong SGK *Ngữ văn 6 (tập 1)*

Bài học	Văn bản									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tìm hiểu chung về văn tự sự	X		X							
Sự việc và nhân vật trong văn tự sự				X						
Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự				X	X					
Lời văn, đoạn văn tự sự	X	X		X		X				
Ngôi kể trong văn tự sự								X	X	
Thứ tự kể trong văn tự sự										X

Chú thích:

- (1): *Con Rồng, cháu Tiên*
- (2): *Bánh chưng, bánh giầy*
- (3): *Thánh Gióng*
- (4): *Sơn Tinh, Thủy Tinh*
- (5): *Sự tích Hồ Gươm*
- (6): *Sọ Dừa*
- (7): *Thạch Sanh*
- (8): *Em bé thông minh*
- (9): *Cây bút thần*
- (10): *Ông lão đánh cá và con cá vàng* (A. Puskin)

Một số VB thơ trung đại trong SGK *Ngữ văn 11* (tập 1, bộ cơ bản) cũng đã được sử dụng làm ngữ liệu trong một số bài học về Tiếng Việt, Làm văn. Chẳng hạn bài *Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận* đã khai thác ngữ liệu từ VB *Tự tình II* (Hồ Xuân Hương) và *Câu cá mùa thu* (Nguyễn Khuyến). VB *Tự tình II* (Hồ Xuân Hương) còn được sử dụng làm ngữ liệu trong hai bài *Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân* và *Ngữ cảnh*. VB *Câu cá mùa thu* (Nguyễn Khuyến) trở thành ví dụ minh họa trong bài *Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng*. VB *Thương vợ* (Trần Tế Xương) cũng được khai thác sâu hơn từ góc độ sử dụng từ ngữ khi được sử dụng trong bài *Thực hành về thành ngữ, điển cố*. Tuy nhiên, dù đánh giá tích hợp nội môn là một bước tiến của CT và SGK *Ngữ văn* hiện hành nhưng Đỗ Ngọc Thống nhận định “nguyên tắc tích hợp trong SGK *Ngữ văn* còn có những hạn chế, nhiều bài chưa nhuần nhuyễn, còn gượng ép” (2011, tr. 134). Bên cạnh đó, CT và SGK

hiện hành vẫn chưa được xây dựng hướng đến NL, do đó mà tích hợp nội môn đôi khi còn ở mức độ đơn giản và chưa rõ ràng.

2.2. Vấn đề tích hợp liên môn

Cùng với quá trình tích hợp nội môn, bản thân môn Ngữ văn cũng phải tham gia vào quá trình tích hợp liên môn. So với văn bản văn học (VBVH), văn bản thông tin (VBTT) và văn bản nghị luận (VBNL) có tiềm năng lớn hơn trong việc dạy học tích hợp liên môn (đề tài của VB liên quan nhiều đến thực tế). Thế nhưng số lượng của hai kiểu loại VB này trong CT và SGK Ngữ văn hiện hành còn rất ít. Khảo sát SGK *Ngữ văn* (bộ cơ bản) bậc THPT hiện hành, số lượng cụ thể các loại VB theo bảng thống kê sau:

Bảng 2. Thống kê số lượng văn bản học chính thức theo kiểu loại trong SGK *Ngữ văn* (bộ cơ bản) bậc THPT hiện hành

Loại VB	Khối lớp					
	10		11		12	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
VBVH	49	70.00	34	72.34	24	63.16
VBTT	18	25.72	7	14.89	8	21.05
VBNL	3	4.28	6	12.77	6	15.79

Phụ lục B của chuẩn cốt lõi CT Ngữ văn của Hoa Kỳ có sự phân biệt và đề xuất cụ thể hệ thống VBTT dành cho các lĩnh vực khác nhau. Sự phân biệt này xuất phát từ yêu cầu thực tế vì VBTT có một lợi thế quan trọng phục vụ cho định hướng dạy học tích hợp, hướng dẫn để HS biết huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập, đời sống.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát và phân loại hệ thống VBTT trong SGK *Ngữ văn* (bộ cơ bản) bậc THPT hiện hành theo các lĩnh vực, kết quả thống kê theo bảng sau:

Bảng 3. Số lượng VBTT theo từng lĩnh vực trong SGK *Ngữ văn* (bộ cơ bản) bậc THPT hiện hành

Lớp	Phân loại theo lĩnh vực			Tỉ lệ %		
	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
6 – 8	0	2	2	0,00	50,00	50,00
9 – 10	16	4	0	80,00	20,00	0,00
11 – 12	15	0	0	100,00	0,00	0,00

Chú thích:

(1): VBTT dành cho môn Ngữ văn

(2): VBTT dành cho môn Lịch sử/ Xã hội (nhóm ngành xã hội)

(3): VBTT dành cho môn Tự nhiên, Toán, Kĩ thuật (nhóm ngành tự nhiên, kĩ thuật).

Đặt ra vấn đề tích hợp liên môn với đặc thù bộ môn Ngữ văn là điều không đơn giản vì rất khó để tìm ra mối liên thông với nhau và có thể tham chiếu lẫn nhau ở từng cấp học, lớp học giữa các kiến thức chuyên biệt thuộc môn này với các môn học khác. Nhưng thật ra khi khảo sát hệ thống VB được học chính thức trong SGK *Ngữ văn* bậc THCS hiện hành, chúng tôi nhận thấy một số VB có khả năng tích hợp liên môn. Có thể dẫn ra một số minh họa cụ thể sau:

- Trong SGK *Ngữ văn 8* (tập 1) hiện hành, truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* có thể mở rộng liên hệ, tích hợp đa môn với nội dung kiến thức trong SGK *Lịch sử 8*, học kì 1, tuần 5, bài *Các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX*.

- Trong SGK *Ngữ văn 6* (tập 1) hiện hành, từ góc độ phân kì, hai VB được học chính thức (*Thánh Gióng* và *Sơn Tinh, Thủy Tinh*) đều thuộc nhóm truyền thuyết về thời Hùng Vương. Việc dạy học các VB này ít nhiều có liên quan đến khối kiến thức ở môn Lịch sử mà HS được học ở học kì 1. Cụ thể là Chương II (Thời đại dựng nước: Văn Lang - Âu Lạc) của CT Lịch sử lớp 6 với các bài học lần lượt là: *Nước Văn Lang* (bài 12), *Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang* (bài 13), *Nước Âu Lạc* (bài 14, 15).

Từ đó có thể thấy còn nhiều hạn chế trong vấn đề tích hợp liên môn đặt ra với môn Ngữ văn ở CT hiện hành. Bên cạnh việc thiếu số lượng VBTT và VBNL cũng như chưa đa dạng hóa nội dung của kiểu loại VBTT, vấn đề đánh giá tiềm năng tích hợp liên môn của hệ thống VB trong SGK *Ngữ văn* cũng chưa được quan tâm đúng mức. Tuy vậy, khi đánh giá những hạn chế trong việc tích hợp liên môn ở môn Ngữ văn, chúng ta cần hiểu thực trạng này phần lớn xuất phát từ việc CT giáo dục phổ thông hiện hành chưa xác định trực tích hợp xuyên suốt. Điều này đã khiến vấn đề tích hợp liên môn gặp rất nhiều trở ngại.

3. Một số yêu cầu đối với việc lựa chọn VB đáp ứng định hướng tích hợp trong dạy học Ngữ văn (DHNV)

3.1. Những nguyên tắc chung nhìn từ CT *Ngữ văn* sau năm 2018

Theo định hướng của CT mới, tích hợp vẫn là một yêu cầu quan trọng. Xét trên phương diện nội dung dạy học, dạy học tích hợp đòi hỏi GV *Ngữ văn* trước hết phải thấy được mối liên hệ và sự tác động qua lại giữa các NL nội môn (đọc, viết, nói và nghe). Bùi Mạnh Hùng đã đề xuất:

“Thay vì lấy kiến thức văn học (chủ yếu là kiến thức văn học sử), tiếng Việt và tập làm văn làm nội dung chính, cấu trúc của chương trình mới phải được xây dựng dựa trên các trụ cột chính tương ứng với các NL giao tiếp: đọc, viết, nói và nghe (...) chương trình phải thiết kế được các nội dung dạy học cốt lõi, gồm hai phần chính là kiến thức (văn học, tiếng Việt và giao tiếp) và ngữ liệu là những VB thuộc các kiểu loại khác nhau: VBVH (literary texts), VBNL (persuasive texts), VBTT (informational texts)”. (Bùi Mạnh Hùng, 2016, tr. 44)

Trong bài viết *Phác thảo chương trình *Ngữ văn* theo định hướng phát triển năng lực*, Bùi Mạnh Hùng cho rằng việc dạy học một tác phẩm văn học, một kiến thức về tiếng Việt hay về văn học nhằm mục đích chủ yếu không phải là để cho HS “biết gì” về tác phẩm hay

kiến thức đó mà là giúp các em “làm được gì” từ những điều học được. Do vậy CT mới sẽ **không có bài học riêng về tiếng Việt, cũng không có bài riêng về kiến thức văn học**. Những khái niệm công cụ của Việt ngữ học, những kiến thức nền văn học cần thiết được giới thiệu, giải thích xung quanh VB đọc hiểu có liên quan và ở cuối bài học. Một số thuật ngữ lí luận văn học có thể không cần phải dùng đến, nhưng cần giải thích khái niệm sao cho HS có thể vận dụng để đọc, viết, nói, nghe về văn học. Với tác giả, điểm khác biệt của CT mới so với CT hiện hành không phải là ở chỗ cắt giảm kiến thức về tiếng Việt và văn học mà là ở chỗ thay đổi căn bản “hàm lượng” (mức độ nông/sâu của kiến thức) và “phương thức cài đặt” (cách thức đưa vào bài học). (2014, tr. 33)

Không chỉ tích hợp nội môn, trong khi dạy đọc, viết, nói và nghe GV còn phải biết tận dụng các cơ hội để lồng ghép vào giờ học các yêu cầu giáo dục liên môn (Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Nghệ thuật) và những nội dung giáo dục ưu tiên xuyên suốt toàn chương trình giáo dục phổ thông như chủ quyền biển đảo, hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hóa, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, giáo dục tài chính...

Những định hướng trên đã đặt ra những nguyên tắc quan trọng cho vấn đề xây dựng hệ thống VB ngữ liệu phục vụ việc DHNV trong CT và SGK mới.

3.2. Một số yêu cầu cụ thể

Theo khuyến nghị của Nguyễn Thành Thi, bên cạnh một số tiêu chí như “phải được tuyển chọn, tập hợp thành hệ thống có tính tiêu biểu về loại, phù hợp về độ khó và được sắp xếp tăng dần về độ phức tạp, tương ứng với yêu cầu cao dần về kiến thức, kĩ năng cần đạt; phải đa dạng, mang tính “mở”, thuận lợi cho việc lựa chọn, thay thế của người viết SGK, người dạy và người học”, nhất là tiêu chí “phù hợp với mục tiêu cụ thể của bài học”, “đa trị, chuẩn và hay” thì “thuận lợi cho việc dạy học tích hợp” cũng là một tiêu chí quan trọng được đặt ra với việc xây dựng hệ thống VB ngữ liệu sử dụng trong DHNV (2014, tr. 141). Do vậy, để đáp ứng được tiêu chí trên, việc lựa chọn VB cần gắn với một số yêu cầu sau:

❖ Đa dạng hóa kiểu loại VB, đặc biệt là các VBTT

Có thể lấy dẫn chứng từ danh sách các VB khuyến nghị đưa vào DHNV trong Phụ lục B của chuẩn cốt lõi CT Ngữ văn của Hoa Kỳ. Đối sánh số lượng VBTT và VBVH theo từng khối lớp sẽ thấy có sự chuyển biến khá rõ, cụ thể theo Bảng 4 sau:

Bảng 4. Số lượng VBTT và VBVH được khuyến nghị theo từng khối lớp trong Phụ lục B của chuẩn cốt lõi CT Ngữ văn của Hoa Kỳ

Lớp	Loại VB			
	VBTT		VBVH	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
6 – 8	23	48,94	24	51,06
9 – 10	30	47,62	33	52,38
11 – 12	34	45,33	41	54,67

Từ thông kê trên chúng tôi dễ dàng nhận thấy tuy số lượng VB VH vẫn nhiều hơn VB TT nhưng không có sự vượt trội, chiếm ưu thế hoàn toàn. Đặc biệt, số lượng VB TT tăng theo từng khối lớp, nhất là ở những khối lớp trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Hơn thế, HS trong giai đoạn này vốn rất cần hệ thống VB TT đa dạng về lĩnh vực nhằm tăng cường kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS. Trong danh sách khuyến nghị, hệ thống VB TT phân loại theo các lĩnh vực cũng được chú ý đặc biệt, kết quả thống kê theo bảng sau:

Bảng 5. Số lượng VB TT theo từng lĩnh vực được khuyến nghị trong Phụ lục B của chuẩn cốt lõi CT Ngữ văn của Hoa Kỳ

Lớp	Phân loại theo lĩnh vực			Tỉ lệ %		
	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
6 – 8	5	8	10	21,73	34,78	43,49
9 – 10	13	8	9	43,33	26,67	30,00
11 – 12	13	11	10	38,23	32,35	29,42

Chú thích:

- (1): VB TT dành cho môn Tiếng Anh (tương ứng với môn Ngữ văn của Việt Nam)
- (2): VB TT dành cho môn Lịch sử/ Xã hội (nhóm ngành xã hội)
- (3): VB TT dành cho môn Tự nhiên, Toán, Kỹ thuật (nhóm ngành tự nhiên, kỹ thuật).

Xuất phát từ hạn chế về số lượng VB NL và VB TT, đặc biệt là VB TT trong SGK *Ngữ văn* hiện hành, việc bổ sung hai kiểu loại VB này là tất yếu. Điều này không chỉ đáp ứng tốt yêu cầu dạy học đọc hiểu theo xu thế mới (HS cần có cơ hội đọc nhiều kiểu VB khác nhau) mà còn tạo cơ sở cho việc dạy học tích hợp.

❖ Khả năng khai thác tích hợp như một tiêu chí quan trọng trong việc lựa chọn VB phục vụ DHNV

Khi lựa chọn VB ngữ liệu, tác giả xây dựng CT và viết SGK cần đặt ra hai câu hỏi nhằm xác định rõ VB được đưa vào DHNV có thuận lợi như thế nào với việc dạy học tích hợp, cụ thể như sau:

- Có thể cài đặt những nội dung kiến thức gì về ngôn ngữ, văn học và làm văn trong quá trình dạy học đọc hiểu VB?

Chẳng hạn khi lựa chọn truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), người biên soạn CT và SGK phải kiến giải được tiêu chí định hướng tích hợp thông qua việc làm rõ những nội dung về ngôn ngữ, văn học và làm văn có thể cài đặt vào bài học đọc hiểu VB. Ví dụ chúng ta có thể kết nối kiến thức về lí luận văn học (chủ nghĩa nhân đạo trong văn học, khuynh hướng sáng tác hiện thực cách mạng, màu sắc địa phương trong tác phẩm văn học...), về ngôn ngữ (hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ) và kỹ năng làm văn (phân tích nhân vật/nghị luận văn học về một vấn đề trong tác phẩm tự sự; nghị luận xã hội về hiện tượng đời sống như hủ tục, bình đẳng giới... và tư tưởng đạo lí như vai trò của ý chí, nghị lực...).

Cũng như vậy, nếu lựa chọn đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (trích *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu), chúng ta phải làm rõ khả năng kết nối kiến thức về lí luận văn học (chức năng văn học, tư tưởng nghệ thuật, quan niệm đạo đức của tác giả thể hiện qua tác phẩm, màu sắc địa phương trong tác phẩm văn học, thể loại truyện thơ Nôm của tác phẩm như là một gạch nối giữa giữa truyện thơ Nôm bình dân và truyện thơ Nôm bác học), về ngôn ngữ (phương ngữ, điển cố và nghệ thuật sử dụng điển cố) và kĩ năng làm văn (phân tích nhân vật trong truyện thơ Nôm, nghị luận xã hội về tư tưởng đạo lí như “làm ơn há dễ trông người trả ơn” / “Nhớ câu kiến ngãi bất vi, làm người thế ấy cũng phi anh hùng”) bên cạnh tiêu chí hỗ trợ là đoạn trích được sử dụng/ chọn lựa nhiều lần trong các bộ SGK môn Văn.

- VB ngữ liệu có những nội dung kiến thức nào có thể khai thác tích hợp/có liên quan đến kiến thức thuộc các môn học khác?

Trong quá trình cập nhật, bổ sung để dày dặn thêm, đầy đủ hơn hệ thống VB ngữ liệu phục vụ cho CT và SGK mới sau năm 2018, tất yếu VBNL cần được quan tâm nhiều hơn. Xét riêng về định hướng tích hợp liên môn, về nguyên tắc VBNL cũng có những lợi thế nhất định khi nội dung chủ yếu của nó là trình bày ý kiến/ nêu quan điểm/ bàn bạc về những vấn đề chính trị xã hội – vốn cũng là những chủ đề có liên quan ít nhiều đến các môn học khác.

Nếu bổ sung VB *Điều trần Chủ tịch Hồ Chí Minh* (Bí thư thứ nhất Lê Duẩn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đọc tại tang lễ được tổ chức vào ngày 9 tháng 9 năm 1969 tại quảng trường Ba Đình) vào hệ thống VB ngữ liệu, chúng ta nhận thấy VB này có một lợi thế rất lớn trong việc dạy học tích hợp liên môn. Đường kết nối kiến thức sẽ được tạo ra với môn Lịch sử (gắn với nội dung kiến thức về miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”, sự ra đời của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, quan hệ Liên Xô và Trung Quốc giai đoạn 1960-1970...) và môn Giáo dục công dân (nội dung kiến thức liên quan đến tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vấn đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh...)

Tương tự như thế, VB *Tôi có một giấc mơ* (tựa gốc: *I have a dream*) của Martin Luther King nếu được bổ sung vào hệ thống VB ngữ liệu DHNV sẽ có một sự liên kết khả thi với kiến thức của môn Lịch sử (nội dung về lịch sử đẫm máu của nạn phân biệt chủng tộc nặng nề ở Hoa Kỳ, phong trào dân quyền ở Hoa Kỳ những năm 60 của thế kỉ XX, về vai trò của Martin Luther King và Hội nghị lãnh đạo Cơ đốc miền Nam trong cuộc chiến chống nạn phân biệt chủng tộc), Địa lí (nội dung dạy học về kinh tế – chính trị – xã hội của Hoa Kỳ), Giáo dục công dân (nội dung về xung đột sắc tộc, về ảnh hưởng của tôn giáo/tổ chức tôn giáo đến tình hình chính trị – xã hội của một quốc gia).

Một khi làm rõ được những kết nối ấy, nghĩa là chúng ta đã cung cấp những minh chứng củng cố thêm quan điểm lựa chọn VB đưa vào CT và SGK Ngữ văn.

❖ Sử dụng hệ thống văn bản bổ sung (VBBS) đa dạng về lĩnh vực để tăng tính tích hợp trong việc dạy học đọc hiểu (DHH) các VB được học chính thức

Căn cứ vào định hướng khai thác VB, việc DHH hệ thống VBTT cũng phải bám sát vào các yêu cầu, mục tiêu giúp HS có thể từng bước đọc-hiểu về nội dung VB, đọc-hiểu về hình thức VB và đọc VB trong sự liên hệ, mở rộng để nâng cao kỹ năng đọc của bản thân. Điều này dẫn đến việc cần phải có hệ thống VBBS được xây dựng với ba mục tiêu: củng cố, nâng cao hiệu quả đọc hiểu nội dung VB; củng cố, nâng cao hiệu quả đọc hiểu VB theo đặc trưng loại thể và mở rộng vốn kiến thức có liên quan (lịch sử, xã hội, địa lí, văn hóa...) đến VB được học chính thức. Do vậy, bên cạnh việc bổ sung những VB cùng loại thể, CT và SGK Ngữ văn nên chú ý đến các VB khác kiểu loại (nhưng có cùng đề tài, chủ đề hoặc liên quan mật thiết đến nội dung VB học chính thức). Có thể minh họa đề xuất trên với trường hợp VB *Thánh Gióng*. Sau khi cân nhắc một số tiêu chí trong việc lựa chọn VB bổ sung (độ dài, số lượng thông tin cung cấp, độ khó về nội dung chuyên môn, số thuật ngữ) phù hợp với HS lớp 6, sự phối hợp giữa VB học chính thức và hệ thống VBBS thuộc lĩnh vực khác được thể hiện qua việc bổ sung cho HS một số VBTT sau:

- *Bổ trợ kiến thức lịch sử: Thế thứ thời Hùng Vương* (Nguyễn Khắc Thuần, trích *Thế thứ các triều vua Việt Nam*).
- *Bổ trợ kiến thức địa lí: Nước Văn Lang* (Đào Duy Anh, trích *Đất nước Việt Nam qua các đời – nghiên cứu địa lí học lịch sử Việt Nam*).
- *Bổ trợ văn hóa: Hội Gióng* (Vũ Ngọc Khánh, trích *Hành trình vào thế giới folklore Việt Nam*), *Lễ hội Thánh Gióng được công nhận di sản phi vật thể* (Đoàn Loan), *Tương nhớ Phù Đổng Thiên Vương với hai lễ hội Gióng* (Trần Thanh).

(Nguyễn Phước Bảo Khôi, 2017, tr. 177)

Hệ thống này sẽ tạo điều kiện cho tác giả biên soạn CT và SGK bổ khuyết, điều chỉnh kết quả làm việc, giúp HS có cơ hội hoàn thiện dần vốn hiểu biết khi được tiếp cận với hệ thống VB phong phú, đa dạng cũng như tạo điều kiện cho việc DHNV theo định hướng tích hợp.

Trên đây là những khảo sát và đề xuất của chúng tôi về việc lựa chọn VB đáp ứng yêu cầu DHNV theo định hướng tích hợp. Thế nhưng, chúng tôi hiểu rằng mục đích cuối cùng của DHNV vẫn chính là dành thời gian cho HS được đọc kĩ VB, có cơ hội được rèn luyện một cách hiệu quả NL giao tiếp. Và “thuận lợi cho việc dạy học tích hợp” cũng chỉ là một trong những tiêu chí khác được đặt ra với việc xây dựng hệ thống VB. Do vậy, định hướng khai thác tích hợp tuy cần lưu tâm nhưng nó cũng không thể quan trọng hơn các tiêu chí khác vốn đã được nhấn mạnh từ lâu. Công việc xây dựng và thuyết minh cho hệ thống VB ngữ liệu phục vụ cho CT và SGK Ngữ văn mới quả rất phức tạp, nặng nề, càng khó khăn hơn khi sức ép thời gian và dư luận là có thật. Và chính thách thức này cũng là cơ hội, khi vấn đề lựa chọn và xây dựng hệ thống VB sử dụng trong DHNV luôn gợi mở được những hướng nghiên cứu đầy triển vọng.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Hà Nội.
- Bùi Mạnh Hùng. (2014). Phác thảo chương trình Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 56, 23-41.
- Bùi Mạnh Hùng. (2016). Biên soạn SGK theo định hướng phát triển năng lực và tích hợp: từ góc độ môn Ngữ văn, trong *Biên soạn SGK mới theo định hướng tích hợp liên môn và phát triển năng lực*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Phước Bảo Khôi. (2017). Sử dụng hệ thống văn bản trong dạy học đọc hiểu truyền thuyết. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 14(10), 173-178.
- Nguyễn Thành Thi. (2014). Năng lực giao tiếp như là kết quả phát triển tổng hợp kiến thức và các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe trong dạy học Ngữ văn. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 56, 134-143
- Đỗ Ngọc Thống. (2006). *Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn trung học phổ thông*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Đỗ Ngọc Thống. (2011). *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Alfred North Whitehead. (1967). *The Aims of Education*. New York: The Free Press.
- Susan M Drake. (2007). *Creating Standards – Based Integrated Curriculum*. CA: Corwin Press, Inc.
- Xavier Roegiers. (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường?* (Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhị dịch). Hà Nội: NXB Giáo dục.